

Bản án số: 01/2022/PT- HNGĐ

Ngày: 03/10/2022

Về: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Vũ Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 03/10/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19/7/2022; về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/HNGĐ-ST ngày 28/4/22 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 06A đường LCT, khu Việt Trang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của ông T về tài sản: Luật sư Trần Văn Tr - Công ty Luật TNHH Công Minh, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ: Số 55 Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 06A đường LCT, khu Việt Trang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B: Luật sư Phạm Tiến Quyền - Công ty Luật TNHH Quỳnh Như, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ: Số 62 Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TT, nay đổi thành: Công ty cổ phần tập đoàn V; Địa chỉ: Tầng 2, Lô 6, chung cư C, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Tổng giám đốc. Vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn An Động, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

3. Ông Đàm Quang G, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 45 Khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông A và ông G: Ông Trần Hoàng Hùng D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu Xuân Ổ A, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị B ngày 09/02/1995, đăng ký lại ngày 08/9/2017, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Biện có tính ghen tuông, vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng, đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng đã gửi đơn ly hôn và rút đơn một lần nhưng đến ngày 03/5/2019 ông lại làm đơn đề nghị ly hôn bà B.

Trong quá trình giải quyết trong vụ án, ngày 04/10/2021 ông T có đơn xin rút đơn khởi kiện ly hôn nhưng do bị đơn là bà B không nhất trí và không rút yêu cầu chia tài sản của bà trong vụ án này nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nay ông T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên ông T tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà B.

- *Con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc E, sinh ngày 19/02/1996, cháu Nguyễn Văn F, sinh ngày 27/7/1998 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/12/2012. Hiện các cháu đang ở với bà B. Khi ly hôn, ông nhất trí giao cháu H cho bà B nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu E và cháu F đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu chia tài sản của bà B, ông T có quan điểm như sau:

Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Explore BKS 99A-193.46 mang tên Công ty Cổ phần tập đoàn V, không phải xe vợ chồng ông T nên việc bà B yêu cầu chia tài sản này là không có căn cứ do đó ông T bác bỏ. Còn nếu trường hợp Tòa án xác định có căn cứ thì đề nghị Tòa án xác định số tiền 2.181.000.000 đồng mà bà B chuyển để

mua chiếc xe ô tô này là vốn góp vào Công ty Cổ phần tập đoàn V, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà B và chia theo quy định của pháp luật.

Bà B yêu cầu chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ phần góp vốn đầu tư 51% của ông T đứng tên tại Công ty cổ phần tập đoàn V (viết tắt là công ty V) với vốn điều lệ là 100.000.000.000đ (tương đương 25.500.000.000đ). Ngày 21/01/2022 bà B thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu công ty V phải trả cho bà B $\frac{1}{2}$ của 51% cổ phần công ty tương ứng với 25% cổ phần công ty theo vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại (có thể tăng hoặc giảm); tức là bà B yêu cầu công ty phải trả cho bà B quyền kinh doanh và quyền quản trị doanh nghiệp theo 25% cổ phần vốn góp vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại thì ông T không đồng ý. Ông T xác định công ty V không có tài sản, hiện đang phải vay các tổ chức Ngân hàng và các cá nhân để hoạt động nên ông T đề nghị bác yêu cầu trên của bà B.

Hiện tại công ty V do ông T là Tổng giám đốc; ngoài ra có các thành viên góp vốn chung là ông Nguyễn Ngọc A và ông Đàm Quang G. Công ty V tự chịu trách nhiệm về báo cáo tài chính, hoạt động, vốn góp, vốn cổ đông, vốn điều lệ, vốn lưu động, cổ phần, chuyển nhượng cổ phần, ... của Công ty. Trên thực tế thì các cổ đông thể hiện việc đóng góp chỉ trên giấy tờ (kể cả việc ông T chuyển nhượng lại cổ phần cho ông A), còn bản chất thì các cổ đông không đóng số tiền nào. Khi thành lập, công ty V có số vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Bản thân ông T, ông A và ông G cũng không đóng góp bất kỳ số tiền nào vào công ty V.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T vi phạm chế độ một vợ một chồng (ông T quan hệ với chị Nguyễn Thị Thu Giang) và ngày 10/3/2019 đã bị Cơ quan CSĐT công an thành phố Bắc Ninh xử phạt hành chính. Vì vậy, bà B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà B đồng ý ly hôn.

- *Con chung*: Vợ chồng có ba con chung như ông T trình bày, trong đó hai cháu đã trưởng thành. Khi ly hôn bà xin được nuôi con Nguyễn MINH H, sinh ngày 16/12/2012 và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản*: Bà B yêu cầu chia tài sản chung cụ thể như sau:

Bà B yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Explore BKS 99A-193.46, trị giá 2.100.000.000 đồng. Đây là số tiền bà B đã vay bên ngoài nộp vào tài khoản công ty, sau đó công ty đã ủy nhiệm chi đi mua xe. Ngày 21/01/2022, bà B yêu cầu công ty V hoàn trả bà B 2.181.000.000đ tiền mua xe, vì xe ô tô thuộc tài sản cố định của công ty, chứ không nằm trong vốn điều lệ đăng ký của công ty.

Bà yêu cầu chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ phần góp vốn đầu tư 51% của ông T đứng tên tại công ty V (tương đương 25.500.000.000đ). Ngày 21/01/2022 thay đổi nội

dung khởi kiện, bà yêu cầu công ty V phải trả cho bà 25% cổ phần công ty theo vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại (có thể tăng hoặc giảm); tức là bà B yêu cầu công ty phải trả cho bà quyền kinh doanh và quyền quản trị doanh nghiệp theo 25% cổ phần vốn góp vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại. Về số vốn điều lệ đăng ký lúc bà B có đơn yêu cầu chia tài sản là 100.000.000.000đ, do công ty vẫn hoạt động bình thường và hàng năm được kiểm toán nên bà không trả lời về việc bà đã nộp một phần hay toàn bộ theo số điều lệ đăng ký trên. Bà giao nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán các năm 2012, 2013, 2015, 2016 và 2017 và kết quả kiểm toán trước tháng 2/2018, còn những năm còn lại bà không nắm được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà B tiến hành thực hiện việc kiểm toán công ty V ở thời điểm hiện tại và cung cấp cho Tòa án kết quả kiểm toán nhưng bà B không thực hiện. Vì bà cho rằng: bà yêu cầu công ty phải trả cho bà quyền kinh doanh và quyền quản trị doanh nghiệp theo 25% cổ phần vốn góp vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại, chứ không yêu cầu trả giá trị bằng tiền nên không thực hiện việc kiểm toán công ty và cũng không yêu cầu Tòa án kiểm toán công ty.

Đại diện của ông Nguyễn Ngọc A và ông Đàm Quang G là ông Trần Hoàng Hùng D trình bày: Ông A và ông G là cổ đông của công ty V. Công ty được thành lập đăng ký lần đầu ngày 10/2/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18/7/2019. Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T - Tổng giám đốc. Các cổ đông của công ty từ khi thành lập đến nay cũng chỉ có 03 người, gồm có ông T, ông A và ông G. Số cổ phần của ông T chiếm 51% cổ phần tương đương với 5.100.000 cổ phiếu, ông A chiếm 45% cổ phần tương đương với 4.500.000 cổ phiếu và ông G chiếm 4% cổ phần tương đương với 400.000 cổ phiếu; mệnh giá cổ phần 10.000 đồng. Năm 2018, ông T chuyển nhượng lại cho ông A 46% cổ phần, còn lại là 5% cổ phần.

Nay đối với yêu cầu chia tài sản của bà B, các ông có quan điểm như sau:

Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Explore BKS 99A-193.46 mang tên công ty V, không phải xe của vợ chồng ông T nên việc bà B yêu cầu chia tài sản này là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà B đòi chia $\frac{1}{2}$ của 51% cổ phần công ty tương ứng với 25% cổ phần công ty theo vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại (tức là bà B yêu cầu công ty phải trả cho bà B quyền kinh doanh và quyền quản trị doanh nghiệp theo 25% cổ phần vốn góp vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại) thì các ông xác định công ty không có tài sản, hiện đang phải vay các tổ chức Ngân hàng và các cá nhân để hoạt động các ông không đồng ý. Khi thành lập, công ty có số vốn điều lệ là 100 tỷ đồng nhưng ông T và các ông cũng không đóng góp bất kỳ số tiền nào vào công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh cung cấp cho Tòa án các báo cáo tài chính các năm 2013 đến năm 2019 của công ty V.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 26/2022 ngày 28/4/2022 của TAND thành phố Bắc Ninh đã áp dụng các Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 64, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

- *Về hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B ly hôn.

- *Con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/12/2012 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết.

- *Tài sản*: Chấp nhận đối với yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị B liên quan đến chiếc xe ô tô Ford Explore BKS 99A – 193.46;

Xác nhận số tiền 2.181.000.000 đồng mua chiếc xe ô tô Ford Explore BKS 99A – 193.46 của Công ty cổ phần tập đoàn V là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B góp vốn.

Xác nhận chiếc xe ô tô Ford Explore BKS 99A – 193.46 của công ty V hiện có giá trị còn lại là 1.453.928.800 đồng. Buộc công ty V phải trả cho bà Nguyễn Thị B $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại của chiếc xe ô tô Ford Explore BKS 99A – 193.46, tương ứng với số tiền là: 726.964.400 đồng.

Bác yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với yêu cầu buộc công ty V phải trả cho bà B quyền kinh doanh và quyền quản trị doanh nghiệp theo 25% cổ phần vốn góp vốn điều lệ ở thời điểm hiện tại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/5/2022, bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản; đại diện nguyên đơn đồng ý với việc rút kháng cáo và rút yêu cầu phản tố về tài sản của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều đã tuân thủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận việc rút kháng cáo và rút yêu cầu phản tố về chia tài sản của chị Nguyễn Thị B.

2. Đình chỉ xét xử về quan hệ vợ chồng và con chung. Bản án dân sự số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh có hiệu lực về quan hệ vợ chồng và con chung.

3. Hủy phần tài sản của Bản án dân sự số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh và đình chỉ xét xử phúc thẩm về tài sản. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về tài sản.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B nộp trong thời hạn luật định đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản; đại diện nguyên đơn đồng ý với việc rút kháng cáo và rút yêu cầu phản tố về tài sản của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Xét thấy việc rút đơn kháng cáo và rút yêu cầu phản tố về tài sản của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đình chỉ xét xử về quan hệ vợ chồng và con chung, Bản án dân sự số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh có hiệu lực về quan hệ vợ chồng và con chung. Hủy phần tài sản của Bản án dân sự số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh và đình chỉ xét xử phúc thẩm về tài sản. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về tài sản.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí: Bản án sơ thẩm tính sai án phí, chị Nguyễn Thị B chỉ phải chịu án phí đối với số tiền 726.964.000đ nhưng bản án sơ thẩm lại buộc chị Biện phải chịu án phí có giá ngạch đối với trị giá 51% cổ phần công ty là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị B đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Biện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 289, 295 và 311 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và rút yêu cầu phản tố về chia tài sản của bị đơn chị Nguyễn Thị B.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về quan hệ vợ chồng và con chung. Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh có hiệu lực về quan hệ vợ chồng và con chung.

3. Hủy phần tài sản của Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh và đình chỉ xét xử phúc thẩm về tài sản. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về tài sản.

4. Án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2019/0001809 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị B. Hoàn trả bà Nguyễn Thị B 80.550.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0002169 ngày 07/10/2019 và 300.000đ tạm án phí tại biên lai số AA/2021/0001229 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Công ty cổ phần tập đoàn V phải chịu 33.078.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Lệ phí: Công ty cổ phần tập đoàn V phải chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Công ty cổ phần tập đoàn V phải trả bà Nguyễn Thị B 2.000.000 đồng tiền lệ phí chi phí định giá tài sản đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tp Bắc Ninh;
- Chi cục THADS tp Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuyết Mai